Mẫu số: **03-3C/TNDN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Phụ lục**

**THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI**

**(Áp dụng đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số**

**hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ)**

*(Kê khai theo từng tỉnh nơi người nộp thuế có trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi*

*đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN tại trụ sở chính )*

**[01]** Kỳ tính thuế:....... Từ ....../ ....../ ...... đến ....../ ....../ ......

**[02]** Lần đầu  **[03]** Bổ sung lần thứ:…

**[04]** **Tên người nộp thuế**: ................................................................................................................................

**[05]** Mã số thuế:

**[06] Tên đại lý thuế** (nếu có):..........................................................................................................................

**[07]** Mã số thuế:

**[08]** Hợp đồng đại lý thuế: Số.............................................ngày....................................................................

**[09]** Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

**[09a]** Phường/xã .......................... **[09b]** Quận/huyện..........................................**[09c]** Tỉnh/Thành phố..................................................

**A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:**

**1. Điều kiện ưu đãi:**

 Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:................người

- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động nữ mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số.......... ngày..............

 Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:................người

- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động là người dân tộc thiểu số mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số......................... ngày..............

**2. Mức độ ưu đãi thuế:**

 Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tương ứng mức chi cho lao động nữ.

 Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số.

**B. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh**

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Số tiền** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |
| 1. | Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp | [10] |  |
| 2. | Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp | [11] |  |
| 3. | Thu nhập miễn thuế | [12] |  |
| 4. | Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ | [13] |  |
| 5. | Thu nhập tính thuế | [14] |  |
| 6. | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | [15] |  |
| 7. | Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong kỳ tính thuế ([16] = [18] + [20])  *(Không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)* | [16] |  |
| *7.1* | *Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động nữ* |  |  |
| - | Tổng các khoản chi cho lao động nữ | [17] |  |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | [18] |  |
| *7.2* | *Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số* |  |  |
| - | Tổng các khoản chi cho lao động là người dân tộc thiểu số | [19] |  |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | [20] |  |

**C. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. | Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN (**[21]=[15]-[16]**) | [21] |  |
| 2. | Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này | [22] |  |
| 3. | Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm | [23] |  |
| 4. | Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm (**[24]=[21]-[23]**) | [24] |  |
| 5. | Thuế TNDN còn phải nộp (**[25]=[21]-[22]-[23]**) | [25] |  |

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.............................  Chứng chỉ hành nghề số:...... | *..., ngày....... tháng....... năm.......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)* |

***Ghi chú:***

*1. NNT kê khai Phụ lục này theo từng tỉnh/thành phố nơi người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi, đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN khi kê khai tại trụ sở chính.*

*2. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;*

*3. Số liệu chỉ tiêu [16] tổng hợp vào chỉ tiêu C13 của tờ khai 03/TNDN;*

*4. NNT không phải kê khai mục C nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của trụ sở chính.*

*5. Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều địa bàn cấp huyện do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.*